

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 04-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Đắc Nghĩa**;
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Giàu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh **Vương Sơn H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 3/64, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn:

1. Chị **Lý Thị Kiều C**, sinh năm 1979 (có mặt);
2. Anh **Cao Văn Đ**, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ 5, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/11/2021, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2021 của chị Nguyễn Thị N, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của chị N là anh H trình bày:

Ngày 18/9/2018, chị N có cho anh Được, chị C vay số tiền tổng cộng là 105.000.000 đồng, có làm 02 hợp đồng vay được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn. Đối với hợp đồng vay 50.000.000 đồng hạn 12 tháng trả, đối với hợp đồng vay 55.000.000 đồng hạn 04 tháng trả nhưng đến hạn anh Đ, chị C xin hạn lại 01 năm sau trả. Lãi suất thỏa thuận ghi trong Hợp đồng vay là theo quy định của pháp luật. Đến nay, chị C, anh Đ không trả tiền gốc và tiền lãi như đã hứa nên chị N mới khởi kiện.

Nay chị N yêu cầu anh Đ, chị C trả cho chị N 105.000.000 đồng tiền vay còn nợ; yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 18/9/2018 đến ngày Tòa án xét xử xong ở cấp sơ thẩm. Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là chị Lý Thị Kiều C trình bày:

Năm 2017, vợ chồng chị có vay tiền góp của chị N nhiều lần để làm ăn nhưng không có điều kiện trả đủ nên cộng lãi vào gốc đến ngày 18/9/2018 có làm 02 giấy nợ cho chị N với số tiền tổng cộng 105.000.000 đồng. Hai Hợp đồng này đều được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn và là 02 Hợp đồng chị N dùng để kiện vợ chồng chị trong vụ kiện này. Như vậy, đến ngày 18/9/2018 vợ chồng chị nợ chị N tổng cộng 105.000.000 đồng. Theo giấy nợ 55.000.000 đồng thì hạn 04 tháng sau trả, theo giấy vay 50.000.000 đồng thì hạn 12 tháng sau trả, hai bên thỏa thuận trả lãi 5%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ. Từ ngày làm 02 giấy nợ trên vợ chồng chị không trả được số tiền gốc, lãi nào nên cách đây khoảng 02 năm chị N có cho vay thêm 45.000.000 đồng, cộng với 105.000.000 đồng vay ngày 18/9/2018 nói trên và 50.000.000 đồng tiền lãi thành 200.000.000 đồng. Con gái chị là Cao Thị Mộng Tiền có 01 phần đất cho vợ chồng chị bán trả nợ nên chị N đề nghị con chị làm giấy nợ 200.000.000 đồng, làm giấy thế chấp đất lại cho chị N, khi nào bán được đất thì trả tiền cho chị N, lãi thỏa thuận là 3.500.000 đồng/tháng. Hợp đồng vay 200.000.000 đồng này và hợp đồng thế chấp đất đều được con chị và chị N ký tại Phòng công chứng. Như vậy, sau khi con chị làm giấy nợ và hợp đồng thế chấp đất cho chị N thì số nợ của vợ chồng chị chuyển sang cho con gái chị, vợ chồng chị không còn nợ chị N số tiền nào.

Khi vay góp như vậy chị không có giữ giấy vay mà ghi vào sổ của chị N, chị chỉ có giấy tự liệt kê của mình để nhớ. Khi làm 02 hợp đồng vay ngày 18/9/2018 thì cũng không lấy lại các giấy đã vay trước đó, không yêu cầu gạch sổ nợ vì chỉ nghĩ đơn giản là làm lại giấy nợ thì thôi. Trước khi kiện chị, chị N có điện thoại đòi chị 200.000.000 đồng, chị nói dịch bệnh không làm ăn được, không có tiền trả, đã có người hỏi mua đất rồi khi nào bán được đất chị trả. Chị N nói không đồng ý và nói sẽ kiện chị luôn số tiền 105.000.000 đồng vay ngày 18/9/2018. Việc này chỉ nói qua điện thoại chứ chị không có lưu giữ được chứng cứ gì.

Nay chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N vì nợ này đã chuyển giao qua cho con chị rồi.

Bị đơn là anh Cao Văn Đ trình bày:

Anh hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị C. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc anh Đ, chị C có nghĩa vụ trả lại cho chị N 105.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Buộc anh Đ, chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đ vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, anh Hải đại diện cho chị N yêu cầu anh Đ, chị C trả cho chị N 105.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 18/9/2018 đến ngày 04/3/2022 với số tiền 36.138.000 đồng, tổng cộng là 141.138.000 đồng. Chị C không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của phía chị N.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của chị N thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị C, anh Đ thừa nhận ngày 18/9/2018 anh chị có ký 02 Hợp đồng vay số tiền 105.000.000 đồng của chị N tại Văn Phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn nên có đủ căn cứ xác định sự việc vay tiền này là có thật. Chị C cho rằng đã vay tiền nhiều lần từ năm 2017 rồi tính lãi cộng gốc nhiều lần mới thành số tiền 105.000.000 đồng nói trên và làm hợp đồng vay để chốt nợ như trên nhưng chị N không thừa nhận, chị C không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xem xét lời trình bày này của chị C. Chị C cho rằng khi con chị là Cao Thị Mộng Tiên làm giấy vay chị N 200.000.000 đồng vào ngày 03/12/2019 thì số nợ trên của chị đã chuyển cho con chị và chị không còn nợ chị N số tiền nào nhưng chị không lấy lại 02 giấy nợ trên. Tuy nhiên, qua đối chất, chị N không thừa nhận sự việc trên, chị N cho rằng khoản nợ của chị Tiên là nợ riêng không liên quan gì đến chị C, chị C không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét lời trình bày này của chị C. Chị C thừa nhận từ ngày vay đến nay chị chưa trả cho chị N được số tiền gốc, lãi nào và trước khi khởi kiện chị N có đòi tiền chị nên có đủ căn cứ xác định chị C, anh Đ còn nợ chị N số tiền 105.000.000 đồng là có thật. Cần buộc chị C, anh Đ trả cho chị N số tiền này là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của chị N thấy rằng: Trong 02 hợp đồng vay nêu trên đều xác định lãi suất thỏa thuận theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng

vay có lãi. Chị C cũng thừa nhận chưa trả lãi cho chị N. Nay chị N chỉ yêu cầu trả lãi theo mức lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 18/9/2018 đến ngày 04/3/2018 là 41 tháng 14 ngày với số tiền 36.138.000 đồng là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Như vậy, cần buộc chị C, anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị N số tiền cả gốc lẫn lãi là 105.000.000 đồng + 36.138.000 đồng = 141.138.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị C, anh Đ phải chịu 7.057.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với chị Lý Thị Kiều C và anh Cao Văn Đ về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Lý Thị Kiều C và anh Cao Văn Đ cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Thị N 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng tiền gốc và 36.138.000 (ba mươi sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 141.138.000 (một trăm bốn mươi một triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị C, anh Đ không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng chị C, anh Đ còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lý Thị Kiều C và anh Cao Văn Đ phải chịu 7.057.000 (bảy triệu không trăm năm mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N 1.375.000 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006883 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do Nguyễn Tuấn Tài nộp thay) và 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006883 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do Nguyễn Tuấn Tài nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị N, chị C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung